BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Danh sách xét tốt nghiệp tạm thời đợt tháng 12_2014

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH08CK17										
1	08118014	NGUYỄN QUỐC	SÁNG	27/01/90	/ /	Nam	2.53	138	Khá	
Lớp: DH08NL17										
1	08137038	NGUYỄN VĂN	RI	17/08/89	/ /	Nam	2.91	139	Khá	
Lớp: DH08TD17										
1	08138014	NGUYỄN DANH	THỦY	06/06/88	/ /	Nam	2.57	139	Khá	
Lớp: DH09NL17										
1	09137044	NGUYỄN HOÀNG	THẾ	08/08/91	/ /	Nam	2.63	139	Khá	
Lớp: DH09OT17										
1	09154013	LỤC VĂN	ĐỒNG	30/09/91	LâM ĐẢNG	Nam	2.85	141	Khá	
2	09154020	PHẠM BỬU	HIỆU	10/06/91	QUY NHơN	Nam	2.88	140	Khá	
3	09154041	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	02/12/90	/ /	Nam	2.82	140	Khá	
Lớp: DH09TD17										
1	09138036	NGUYỄN VĂN	NAM	12/03/90	/ /	Nam	2.70	140	Khá	
Lớp: DH10CC										
1	10119002	NGUYỄN ĐÌNH	LINH	20/11/91	/ /	Nam	2.74	139	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10NL										
1	10137001	BÙI THỊ TRÂM	ANH	11/10/91	/ /	Nữ	2.87	141	Khá	
2	10137061	NGUYỄN NGỌC	BÁCH	09/06/91	/ /	Nam	2.79	139	Khá	
3	10137037	NGUYỄN THỊ HỒNG	CHÂU	03/01/92	/ /	Nữ	2.82	139	Khá	
4	10137005	VÕ VĂN	LỢI	12/03/92	/ /	Nam	3.05	139	Khá	
5	10137042	NGUYỄN HỒNG	PHONG	15/05/90	/ /	Nam	2.62	139	Khá	
6	10137013	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	15/11/92	TâY NINH	Nữ	2.85	141	Khá	
Lớp: DH10OT										
1	10154058	ĐẬU VĂN	CÔNG	27/05/92	/ /	Nam	2.50	142	Khá	
2	10154019	NGUYỄN KỲ	LÂN	05/07/92	/ /	Nam	2.81	140	Khá	
3	10154097	HUỲNH THANH	LONG	23/01/92	/ /	Nam	3.04	141	Khá	
4	10154068	NGUYỄN VĂN	NGUYÊN	05/07/91	/ /	Nam	2.90	140	Khá	
5	10154081	MAI HÀ	SANG	08/08/91	/ /	Nam	3.16	140	Khá	
6	10154033	ĐẶNG VĂN	SIL	09/07/92	/ /	Nam	2.81	140	Khá	
7	10154037	NGUYỄN VĂN	THANH	17/06/92	/ /	Nam	2.80	140	Khá	
8	10154039	VĂN TIẾN	THÀNH	23/09/92	/ /	Nam	2.66	140	Khá	
9	10154079	LÂM MINH	THẠO	22/02/91	TRà VINH	Nam	2.93	141	Khá	
10	10154085	NGUYỄN QUANG CÔNG	TOẠI	13/08/92	/ /	Nam	2.86	141	Khá	
Lớp: DH10TD										
1	10138003	ĐẶNG XUÂN	ĐẠI	10/11/91	/ /	Nam	2.58	140	Khá	
2	10138061	NGUYỄN HOÀNG	MINH	02/09/92	/ /	Nam	3.25	140	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH08CN17										
1	08111019	TRẦN HỮU	LỢI	01/02/89	/ /	Nam	2.55	136	Khá	
Lớp: DH08DY17										
1	08142196	HOÀNG THỊ MINH	TRANG	01/03/90	ĐẮNG NAI	Nữ	2.87	168	Khá	
Lớp: DH08TA17										
1	08161152	BÙI DUY	QUANG	08/07/90	LâM ĐẢNG	Nam	2.45	140	Trung bình	
Lớp: DH08TY17										
1	08112085	HỒ MINH	HOÀNG	17/09/83	/ /	Nam	2.45	167	Trung bình	
2	08112110	NGUYỄN THỊ BÍCH	HƯỜNG	12/09/90	VềNG TàU	Nữ	2.53	169	Khá	
3	08112271	THÁI LÊ ANH	THƯ	01/11/90	/ /	Nữ	2.34	168	Trung bình	
Lớp: DH09CN17										
1	09111005	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	06/02/91	/ /	Nam	2.91	135	Khá	
2	09111038	NGUYỄN VĂN	TIẾN	03/08/88	/ /	Nam	2.96	136	Khá	
Lớp: DH09TA17										
1	09161080	NGUYỄN THỊ	MƠ	15/07/89	/ /	Nữ	2.82	137	Khá	
2	09161185	TRẦN DUY	VẠN	18/10/91	/ /	Nam	2.88	138	Khá	
Lớp: DH09TY17										
1	09112078	CAO VĂN	LẠC	17/05/91	/ /	Nam	2.35	168	Trung bình	
2	09112104	ĐỖ THẾ	NGUYÊN	13/04/91	ĐẮNG NAI	Nam	2.45	168	Trung bình	
3	09112132	NGUYỄN AN	SIN	27/12/91	/ /	Nam	2.97	167	Khá	
4	09112158	HUỲNH XUÂN	THẾ	20/09/88	/ /	Nam	3.00	168	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10CN										
1	10111045	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	10/08/92	/ /	Nam	2.55	135	Khá	
Lớp: DH10DY										
1	10142213	TRƯƠNG HOÀNG	ÁNH	07/04/92	/ /	Nữ	2.83	168	Khá	
2	10142015	NGUYỄN THY	DIỄM	03/04/92	/ /	Nữ	2.90	167	Khá	
3	10142078	VÕ THỊ MỸ	LINH	26/06/92	/ /	Nữ	3.32	168	Giỏi	
4	10142084	LÊ THỊ THU	MAI	15/08/92	ĐẢNG NAI	Nữ	2.74	167	Khá	
5	10142100	TRẦN THÙY NHƯ	NGUYỆN	01/09/92	/ /	Nữ	3.22	168	Giỏi	
6	10142116	VŨ TỶ	PHÚ	28/10/92	/ /	Nam	2.50	167	Khá	
7	10142153	LÊ THỊ XUÂN	THẮM	25/11/92	ĐẢNG NAI	Nữ	3.08	167	Khá	
8	10142166	HOÀNG THỊ BÍCH	THỦY	06/05/92	LâM ĐẢNG	Nữ	3.14	167	Khá	
9	10142167	LÊ THỊ THANH	THỦY	02/04/92	/ /	Nữ	2.95	168	Khá	
10	10142168	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	27/09/92	/ /	Nữ	2.83	169	Khá	
11	10142177	TẠ THỊ	TƠN	15/05/90	/ /	Nữ	2.91	167	Khá	
Lớp: DH10TA										
1	10161017	PHẠM THÀNH	ĐẠT	28/09/92	ĐẢNG NAI	Nam	2.75	138	Khá	
2	10161052	ĐỖ QUANG	HƯNG	11/11/91	/ /	Nam	3.14	137	Khá	
3	10161063	TRƯƠNG MINH	LÂM	30/09/92	/ /	Nam	2.93	138	Khá	
4	10161165	TRÀ VĂN THỊ	THẮM	22/02/91	/ /	Nữ	2.79	137	Khá	
5	10161116	NGUYỄN VĂN	THIÊN	12/09/92	/ /	Nam	2.61	137	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10TY										
1	10112008	TRẦN ĐỨC	ÂN	30/06/91	ĐẢNG NAI	Nam	3.21	167	Giỏi	
2	10112014	NGUYỄN THỊ	CHÍN	13/02/92	ĐẢNG NAI	Nữ	2.92	167	Khá	
Lớp: DH11TA										
1	11161088	LÊ TẤN	ĐẠT	16/07/93	/ /	Nam	2.74	137	Khá	
2	11161032	BÙI THỊ MỸ	HOÀNG	06/11/93	/ /	Nữ	3.21	137	Giỏi	
Lớp: DH09HH17										
1	09139030	HỒ TẤN	ĐẠT	20/02/91	/ /	Nam	2.55	140	Khá	
2	09139055	BÙI BẢO	HIẾU	20/05/91	/ /	Nam	2.73	140	Khá	
3	09139069	VÕ TUẤN	HÙNG	19/05/91	/ /	Nam	2.58	140	Khá	
4	09139122	NGUYỄN THANH	PHÚ	22/11/90	/ /	Nam	2.28	141	Trung bình	
5	09139201	NGUYỄN ĐÌNH	TRÍ	11/11/91	/ /	Nam	2.64	141	Khá	
Lớp: DH10HH										
1	10139008	LÂM CAO QUỐC	BẢO	19/02/92	/ /	Nam	2.60	141	Khá	
2	10139031	BÙI NGUYỄN HƯƠNG	DUYÊN	02/02/92	/ /	Nữ	3.36	141	Giỏi	
3	10139056	ĐỖ ĐỨC	HẠNH	18/05/91	/ /	Nam	2.30	141	Trung bình	
4	10139072	LÊ THỊ THÚY	HÒA	10/04/91	/ /	Nữ	2.60	142	Khá	
5	10139122	HUỲNH TRÚC	MAI	08/12/92	/ /	Nữ	2.83	141	Khá	
6	10139125	PHAN KIỀU	MI	01/10/92	ĐẢNG NAI	Nữ	2.59	141	Khá	
7	10139190	HUỲNH ĐẠI	SĨ	12/05/92	/ /	Nam	3.01	140	Khá	
8	10139213	PHAN ANH	THẾ	04/12/92	/ /	Nam	2.85	140	Khá	
9	10139228	HUỲNH THỊ THU	THỦY	09/09/92	TRà VINH	Nữ	2.76	141	Khá	
10	10139243	ĐINH VĂN	TRANG	24/01/92	/ /	Nam	2.72	142	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH08KT17										
1	08155003	TRỊNH XUÂN	LỢI	20/05/89	/ /	Nam	2.60	138	Khá	
Lớp: DH09KE17										
1	09123029	VÕ THÁI	HÀ	11/09/90	/ /	Nam	2.67	138	Khá	
Lớp: DH09KM17										
1	09143031	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	09/01/91	/ /	Nữ	2.90	132	Khá	
Lớp: DH09QT17										
1	09122130	BÙI THỊ MAI	THI	22/11/91	ĐẢNG NAI	Nữ	3.02	136	Khá	
Lớp: DH10KE										
1	10123017	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CHÂU	11/04/91	/ /	Nữ	2.77	137	Khá	
2	10123043	TẠ THỊ	HÀ	24/02/91	/ /	Nữ	2.88	137	Khá	
3	10123054	NGUYỄN THỊ	HẰNG	12/06/91	/ /	Nữ	2.48	137	Trung bình	
4	10123069	PHẠM THỊ HIỀN	HÒA	26/01/92	/ /	Nữ	2.78	139	Khá	
5	10123067	NGUYỄN LÊ	HOÀNG	09/06/92	/ /	Nam	2.94	137	Khá	
6	10123107	VÕ THỊ TUYẾT	MAI	07/02/91	/ /	Nữ	2.94	137	Khá	
7	10123119	HUỲNH KIM	NGÂN	10/11/92	/ /	Nữ	2.93	136	Khá	
8	10123141	NGUYỄN ĐẶNG	PHÚC	22/08/91	LONG AN	Nam	2.97	137	Khá	
9	10123005	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	19/12/92	ĐẢNG NAI	Nữ	2.73	137	Khá	
10	10123165	ĐOÀN THỊ NGỌC	THẢO	04/01/92	ĐẢNG NAI	Nữ	3.02	137	Khá	
11	10123174	PHẠM MINH	THIỆN	30/10/92	/ /	Nam	3.04	136	Khá	
12	10123183	TỐNG THỊ	THÙY	08/09/92	/ /	Nữ	2.70	137	Khá	
13	10123186	NGUYỄN THỊ	THƯ	03/09/92	/ /	Nữ	3.05	137	Khá	
14	10123188	NGUYỄN THANH	THƯƠNG	18/01/92	/ /	Nam	3.29	137	Giỏi	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
15	10123193	CAO THỊ HOÀI	TRANG	25/09/92	ĐẢNG NAI	Nữ	2.95	137	Khá	
16	10123208	NGÔ NGUYỄN NGỌC	TRÚC	03/09/92	ĐẢNG NAI	Nữ	2.82	137	Khá	
17	10123262	ĐÀM NGỌC	XUYẾN	15/11/91	LâM ĐẢNG	Nữ	2.73	137	Khá	
Lớp: DH10KEGL										
1	10123316	TRẦN CHÍ	CÔNG	08/10/90	/ /	Nam	2.55	136	Khá	
2	10112319	NGUYỄN THỊ KIM	HÀ	24/11/92	/ /	Nữ	2.75	136	Khá	
3	10123296	PHẠM THỊ THU	HUYỀN	06/09/92	/ /	Nữ	2.74	136	Khá	
4	10123290	LÊ THỊ	HƯỜNG	12/03/92	/ /	Nữ	2.97	136	Khá	
5	10123298	HOÀNG HẢI	LY	13/11/92	/ /	Nữ	2.86	136	Khá	
6	10123311	HUỲNH Ý	NHỚ	20/10/92	/ /	Nam	2.92	136	Khá	
7	10123304	TRẦN THỊ	NI	20/01/91	/ /	Nữ	3.03	136	Khá	
8	10123325	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	03/04/91	/ /	Nữ	2.74	136	Khá	
9	10123251	NGUYỄN THỊ KIM	THỦY	20/01/92	/ /	Nữ	2.60	136	Khá	
10	10123268	PHAN THỊ XUÂN	TIỀN	20/03/92	/ /	Nữ	2.79	136	Khá	
11	10123280	NGUYỄN KHÁNH	VỸ	08/10/92	/ /	Nữ	2.66	136	Khá	
Lớp: DH10KM										
1	10143017	LƯU THÁI THANH	DŨNG	02/02/92	/ /	Nam	3.13	131	Khá	
2	10143019	LÊ THỊ	DƯƠNG	10/12/91	/ /	Nữ	3.02	132	Khá	
3	10143029	VÕ THỊ MỸ	HÒA	09/08/92	/ /	Nữ	2.91	130	Khá	
4	10143035	HOÀNG VĂN	KIÊM	27/02/92	CAO BằNG	Nam	2.93	131	Khá	
5	10143044	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	11/01/92	/ /	Nữ	3.17	131	Khá	
6	10143058	TRẦM THỊ BÍCH	QUYÊN	13/05/92	/ /	Nữ	2.84	131	Khá	
7	10143091	LÊ	TRỌNG	08/08/92	/ /	Nam	2.79	131	Khá	
8	10143098	THÁI THỊ THÚY	VI	12/05/92	/ /	Nữ	3.06	129	Khá	
9	10143100	TRẦN VĂN	XUÂN	16/02/92	LONG AN	Nam	3.06	133	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10KN										
1	10155014	NGUYỄN THỊ VIỆT	BÌNH	28/04/92	/ /	Nữ	2.82	136	Khá	
2	10155030	LƯƠNG THỊ	HƯƠNG	01/01/91	ĐẢNG NAI	Nữ	2.81	136	Khá	
3	10155034	NGUYỄN THUẬN	TOÀN	17/08/92	/ /	Nam	2.95	136	Khá	
Lớp: DH10KT										
1	10120024	LÊ THỊ KIM	LOAN	22/02/92	/ /	Nữ	2.70	138	Khá	
Lớp: DH10QT										
1	10122142	ĐẶNG BÁ	THANH	13/05/89	/ /	Nam	3.31	136	Khá	
Lớp: DH10TC										
1	10164004	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	19/07/92	/ /	Nữ	3.31	138	Giỏi	
Lớp: DH10TM										
1	10150062	NGUYỄN CAO	PHƯƠNG	02/10/92	/ /	Nam	2.79	135	Khá	
2	10150077	NGUYỄN THỊ	THẢO	27/05/92	/ /	Nữ	3.31	135	Giỏi	
Lớp: DH11KE										
1	11123072	TÔ THỊ HỒNG	CẨM	01/01/93	/ /	Nữ	3.02	137	Khá	
2	11123210	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	01/04/93	/ /	Nữ	2.96	137	Khá	
3	11123025	PHAN THỊ	MAI	04/08/92	/ /	Nữ	3.04	137	Khá	
4	11123048	LÊ THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	06/08/93	/ /	Nữ	3.11	137	Khá	
5	11123163	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	02/09/93	/ /	Nữ	2.85	137	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH11KM										
1	11143005	HÀ THỊ THU	HẬU	28/05/93	/ /	Nữ	3.25	130	Giỏi	
2	11143232	PHAN VỦ	LINH	/ /92	/ /	Nam	2.97	132	Khá	
3	11143074	NGUYỄN THỊ	NGỌC	17/08/93	/ /	Nữ	3.33	131	Giỏi	
4	11143118	PHẠM THỊ	VÓC	10/09/93	/ /	Nữ	3.04	130	Khá	
Lớp: DH11KN										
1	11155021	ĐINH THỊ	YẾN	06/10/92	/ /	Nữ	3.52	135	Giỏi	
Lớp: DH11KT										
1	11120079	PHAN THANH	TRÚC	02/12/93	/ /	Nữ	2.75	138	Khá	
Lớp: DH11QT										
1	11122134	HUỲNH THỊ	HẢO	15/02/93	/ /	Nữ	3.12	137	Khá	
2	11122013	HUỲNH THỊ MỸ	HƯƠNG	24/02/93	/ /	Nữ	3.17	136	Khá	
3	11122034	NGUYỄN VĂN	THÁI	13/01/93	TâY NINH	Nam	3.08	137	Khá	
4	11122133	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	24/05/93	/ /	Nam	2.99	136	Khá	
Lớp: DH11TC										
1	11164019	NGUYỄN THỊ	LAN	15/10/93	/ /	Nữ	2.99	137	Khá	
Lớp: DH11TM										
1	11150001	DƯƠNG XUÂN	ĐIỀU	10/03/92	/ /	Nam	3.01	136	Khá	
2	11150078	NGUYỄN BẢO	TRUNG	08/05/93	/ /	Nam	2.85	135	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: ĐH Liên thông

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: LT12KEA										
1	12423008	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	10/03/90	/ /	Nữ	2.88	60	Khá	
2	12423003	BÙI THỊ	ÂN	10/09/88	/ /	Nữ	2.90	60	Khá	
3	12423012	Ỳ CÁ	CHÁNH	03/02/87	ĐẮNG NAI	Nữ	2.76	60	Khá	
4	12423014	TRẦN THỊ BÍCH	CHI	16/08/90	/ /	Nữ	3.22	60	Giỏi	
5	12423020	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	22/09/83	/ /	Nữ	3.03	60	Khá	
6	12423031	ĐỖ THỊ	GIANG	29/06/90	NAM ĐịNH	Nữ	3.39	60	Giỏi	
7	12423032	TRƯƠNG THỊ TRÚC	GIANG	09/04/81	/ /	Nữ	3.09	60	Khá	
8	12423059	TRẦN THỊ	HOÀI	22/11/87	/ /	Nữ	3.57	60	Giỏi	
9	12423090	PHẠM THỊ TUYẾT	NGÂN	13/09/91	/ /	Nữ	3.32	60	Giỏi	
10	12423133	PHẠM LÂM PHƯƠNG	THẢO	28/05/89	/ /	Nữ	2.99	60	Khá	
11	12423147	HUỲNH NGỌC	THI	22/12/91	/ /	Nữ	3.03	60	Khá	
12	12423164	VÕ THỊ THÀNH	TRANG	12/09/88	/ /	Nữ	3.21	60	Giỏi	
13	12423132	PHAN THỊ THANH	TRÂN	15/10/88	/ /	Nữ	3.06	60	Khá	
14	12423167	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	20/05/91	/ /	Nữ	3.23	60	Giỏi	
Lớp: LT12KEB										
1	12423006	NGUYỄN THỊ HỒNG	ANH	13/02/89	/ /	Nữ	3.12	60	Khá	
2	12423009	TRẦN THỊ HUỲNH	ANH	12/12/91	/ /	Nữ	3.52	60	Giỏi	
3	12423017	LÊ THỊ KIM	CÚC	09/10/84	/ /	Nữ	3.50	60	Giỏi	
4	12423051	CAO THỊ PHƯỢNG	HIỀN	05/02/88	ĐẮNG NAI	Nữ	3.37	60	Giỏi	
5	12423066	NGUYỄN THỊ THU	HÒA	08/03/91	/ /	Nữ	3.22	60	Giỏi	
6	12423047	TRẦN THỊ CẨM	HỒNG	04/03/91	/ /	Nữ	3.51	60	Giỏi	
7	12423074	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	23/10/88	TâY NINH	Nữ	2.57	60	Khá	
8	12423105	HUỲNH THỊ CẨM	NHUNG	/ /90	TâY NINH	Nữ	2.99	60	Khá	
9	12423106	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	16/02/90	/ /	Nữ	2.95	60	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: ĐH Liên thông

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
10	12423120	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	15/04/91	/ /	Nữ	3.50	60	Giỏi	
11	12423110	TRẦN THỊ MỸ	PHƯƠNG	10/01/90	/ /	Nữ	3.18	60	Khá	
12	12423123	CAO THỊ HỒNG	QUẾ	17/06/89	/ /	Nữ	2.59	60	Khá	
13	12423144	NGUYỄN CÔNG	THẮNG	29/11/87	/ /	Nam	3.64	60	Xuất sắc	
14	12423152	ĐOÀN THỊ MỘNG	THU	22/11/89	ĐẢNG NAI	Nữ	3.14	60	Khá	
15	12423153	ĐOÀN THỊ MỸ	TIÊN	16/08/89	/ /	Nữ	3.20	60	Giỏi	
16	12423159	NGUYỄN MAI THÙY	TRANG	04/08/89	/ /	Nữ	2.89	60	Khá	
17	12423165	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	30/07/89	/ /	Nữ	3.31	60	Giỏi	
Lớp: LT12QT										
1	12422004	PHẠM THỊ LAN	ANH	15/11/90	/ /	Nữ	3.50	64	Giỏi	
2	12422003	VƯƠNG HOÀNG	ANH	02/07/91	/ /	Nam	3.19	64	Khá	
3	12422008	NGUYỄN ĐỨC	DOANH	09/09/90	NAM ĐỊNH	Nam	3.19	64	Khá	
4	12422009	HUỲNH THỊ MỸ	DUNG	09/08/91	LâM ĐẢNG	Nữ	3.78	64	Xuất sắc	
5	12422007	ĐỖ THỊ ÁNH	DƯƠNG	08/04/91	/ /	Nữ	3.50	64	Giỏi	
6	12422023	HOÀNG THỊ NGỌC	HỒNG	04/04/88	ĐẢNG NAI	Nữ	3.45	64	Giỏi	
7	12422012	PHẠM PHƯƠNG KIM	HỒNG	05/05/90	/ /	Nữ	3.47	64	Giỏi	
8	12422017	VŨ THỊ	MAI	06/10/91	/ /	Nữ	3.67	64	Xuất sắc	
9	12422018	LÊ HỒNG	MINH	01/01/90	/ /	Nam	3.47	64	Giỏi	
10	12422020	HUỲNH NGỌC	NGA	12/06/90	/ /	Nữ	3.65	64	Xuất sắc	
11	12422035	HỒ HOÀNG BẢO	QUY	07/09/90	/ /	Nữ	3.31	64	Giỏi	
12	12422038	NGUYỄN ĐÌNH	SANG	01/11/88	/ /	Nam	3.30	64	Giỏi	
13	12422048	ĐẶNG THỊ	TRANG	20/04/91	/ /	Nữ	3.44	64	Giỏi	
14	12422050	PHAN THỊ MỸ	TRINH	20/01/90	/ /	Nữ	3.56	64	Giỏi	
15	12422052	HỒ THỊ BẢO	YẾN	/ /89	/ /	Nữ	3.25	64	Giỏi	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH08CB17										
1	07115007	HOÀNG VĂN	GIANG	16/05/86	/ /	Nam	2.57	136	Khá	
Lớp: DH09CB17										
1	09115015	PHẠM VĂN	HẬU	01/03/91	/ /	Nam	2.90	138	Khá	
Lớp: DH09NK17										
1	08146121	KA	SỈM	01/01/86	LâM ĐẢNG	Nữ	2.39	136	Trung bình	
2	09146071	KIM QUỐC	TUẦN	27/07/90	/ /	Nam	2.69	137	Khá	
Lớp: DH10CB										
1	10115001	ĐOÀN THỊ	HẠT	30/01/92	NAM ĐịNH	Nữ	2.88	137	Khá	
Lớp: DH10GN										
1	10169008	LÊ THỊ NGỌC	LINH	08/11/92	/ /	Nữ	2.92	142	Khá	
2	10169044	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	12/04/92	TâY NINH	Nữ	2.60	137	Khá	
3	10169023	TRẦN QUANG	SANG	01/05/92	/ /	Nam	2.88	142	Khá	
4	10169015	LÊ VĂN	TUẤN	10/11/89	/ /	Nam	2.60	137	Khá	
5	10169057	NGUYỄN HOàNG	TUẤN	19/08/92	ĐẢNG NAI	Nam	2.81	138	Khá	
Lớp: DH10LN										
1	10114032	NGUYỄN TẤN	TÀI	23/01/92	/ /	Nam	2.63	135	Khá	
2	10114092	TRƯƠNG QUỐC	VIỆT	11/03/91	/ /	Nam	2.93	135	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10NK										
1	10146027	NGÔ THỊ NHƯ	NGỌC	05/10/92	/ /	Nữ	2.94	136	Khá	
Lớp: DH10QR										
1	10147057	NGUYỄN ANH	NGÔ	17/09/92	/ /	Nam	2.80	137	Khá	
2	10147069	ĐINH NHẬT	QUANG	08/04/91	/ /	Nam	2.53	136	Khá	
Lớp: DH11QR										
1	11147077	CAO THỊ QUỲNH	NHI	20/02/93	/ /	Nữ	3.09	136	Khá	
Lớp: DH09DL17										
1	09157085	CAO VĂN	KHÔI	05/10/90	LâM ĐẢNG	Nam	2.78	139	Khá	
Lớp: DH10CH										
1	10131008	VÕ HỒNG LINH	CHI	10/08/92	/ /	Nữ	2.84	139	Khá	
Lớp: DH10DL										
1	10157054	NGUYỄN SONG	HÀO	27/03/92	/ /	Nam	2.74	139	Khá	
2	10157074	HOÀNG THỊ	HƯƠNG	10/10/89	/ /	Nữ	2.85	138	Khá	
3	10157119	LÊ THỊ KIM	NGÂN	27/07/92	/ /	Nữ	2.77	139	Khá	
4	10157170	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	26/07/92	LONG AN	Nữ	2.91	138	Khá	
5	10157197	NGUYỄN DUY	TÍN	21/08/92	/ /	Nam	2.98	139	Khá	
6	10157207	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	24/02/92	/ /	Nữ	2.94	138	Khá	
7	10157213	VÕ NGỌC	TRÂN	14/01/91	/ /	Nữ	3.04	138	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10GE										
1	10173047	TRẦN THỊ THÚY	AN	14/10/92	LÂM ĐẢNG	Nữ	3.02	137	Khá	
2	10173005	LÊ THỊ	DUNG	20/04/92	/ /	Nữ	3.01	137	Khá	
3	10162002	ĐỖ THẾ	DŨNG	04/01/91	/ /	Nam	2.89	138	Khá	
4	10173004	NGUYỄN LÊ TẤN	ĐẠT	22/03/92	ĐẢNG NAI	Nam	2.94	137	Khá	
5	10173022	TRƯƠNG ĐÌNH MINH	ĐỨC	10/09/92	/ /	Nam	2.67	137	Khá	
6	10162006	PHẠM TRẦN TRỌNG	HIỀN	01/05/92	/ /	Nam	2.69	137	Khá	
7	10173010	TRẦN CÔNG	HUẤN	05/01/92	/ /	Nam	2.85	138	Khá	
8	10173027	NGUYỄN THÙY	LINH	04/10/92	LÂM ĐẢNG	Nữ	2.83	138	Khá	
9	10173006	PHẠM THỊ	LINH	29/02/92	/ /	Nữ	2.91	139	Khá	
10	10162005	LÂM QUỐC	LỢI	02/01/92	TÂY NINH	Nam	3.12	137	Khá	
11	10173023	ƯNG KIM	NGUYÊN	19/07/92	/ /	Nữ	2.90	138	Khá	
12	10173020	LÊ THANH	NGUYỆT	09/09/91	/ /	Nữ	2.89	137	Khá	
13	10162008	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	08/05/91	/ /	Nữ	2.96	139	Khá	
14	10173042	ĐINH NGUYỄN DUY	QUANG	06/10/92	LÂM ĐẢNG	Nam	2.83	138	Khá	
15	10173049	TRẦN VĂN	TẤN	18/02/92	/ /	Nam	3.03	137	Khá	
16	10173001	TRẦN THỊ	THẢO	25/02/92	/ /	Nữ	2.82	139	Khá	
17	10162009	NGUYỄN KIỀU MINH	THÔNG	08/09/92	/ /	Nam	3.21	137	Giỏi	
18	10173035	ĐẶNG XUÂN	TIẾN	20/06/91	/ /	Nam	3.00	137	Khá	
19	10173031	PHAN THỊ THANH	TRÚC	03/08/92	/ /	Nữ	2.96	139	Khá	
20	10173039	ĐỖ MINH	TRƯỜNG	20/11/91	/ /	Nam	2.96	137	Khá	
21	10173008	NGUYỄN VĂN ANH	TUẤN	23/06/92	/ /	Nam	2.69	137	Khá	
22	10173016	TẠ THANH	TÙNG	05/05/91	/ /	Nam	2.75	137	Khá	
23	10173043	NGUYỄN ĐỖ NGỌC	UYÊN	17/06/92	ĐẢNG NAI	Nữ	3.16	137	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10MT										
1	10127034	TRẦN THỊ THU	HÀ	20/06/92	LâM ĐẢNG	Nữ	2.76	139	Khá	
2	10127035	HỒ GIANG	HẢI	22/07/92	/ /	Nam	2.80	138	Khá	
3	10127042	LÊ PHƯỚC	HẬU	20/05/92	/ /	Nam	2.69	138	Khá	
4	10127050	NGUYỄN TRUNG	HIỆP	20/02/91	LONG AN	Nam	2.68	139	Khá	
5	10127052	LÊ VĂN	HOÀI	24/04/91	/ /	Nam	3.15	138	Khá	
6	10127062	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	10/05/92	/ /	Nữ	2.54	138	Khá	
7	10127074	TRẦN VŨ	LÂM	08/10/91	/ /	Nam	2.68	138	Khá	
8	10127128	LỮ HỮU	TÀI	19/06/92	TRà VINH	Nam	2.72	138	Khá	
9	10127141	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	02/07/92	/ /	Nam	2.50	139	Khá	
Lớp: DH10QM										
1	10149025	NGUYỄN	DU	/ /91	/ /	Nam	2.45	138	Trung bình	
2	10149060	HỒ MINH	HIẾU	15/11/90	/ /	Nam	2.76	138	Khá	
3	10149115	NGUYỄN TIẾN	NAM	06/10/92	/ /	Nam	2.74	139	Khá	
4	10149118	VÕ THANH	NAM	22/02/92	LONG AN	Nam	2.76	138	Khá	
5	10149147	BÙI THỊ	PHÚ	25/10/91	/ /	Nữ	3.08	138	Khá	
6	10149184	HUỲNH MINH	THIỆN	11/11/91	/ /	Nam	2.87	138	Khá	
7	10149204	TRỊNH MỸ THẢO	TIÊN	14/09/92	/ /	Nữ	2.70	138	Khá	
8	10149248	HỒNG HẢI	VINH	31/01/92	LONG AN	Nam	2.80	138	Khá	
Lớp: DH10QMGL										
1	10149272	NGUYỄN TÙNG	PHONG	29/07/92	/ /	Nam	2.76	138	Khá	
2	10149275	TRẦN LÊ	THIỆN	18/09/89	/ /	Nam	3.11	138	Khá	
3	10149299	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	27/12/92	/ /	Nam	3.03	138	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10TK										
1	10160013	HUỲNH	CHI	30/08/92	/ /	Nữ	2.96	141	Khá	
2	10160041	ĐINH BÁ	HỮU	19/09/92	/ /	Nam	2.94	140	Khá	
3	10160068	PHẠM VĂN	NGUYÊN	19/11/92	/ /	Nam	2.99	139	Khá	
Lớp: DH11DL										
1	11157340	TRƯƠNG THANH	TRÚC	19/07/93	/ /	Nữ	3.22	138	Giỏi	
Lớp: DH09BV17										
1	09145056	CAO THỊ MỸ	LOAN	24/09/91	AN GIANG	Nữ	3.10	149	Khá	
2	09145068	BẠCH HOÀNG	NĂNG	26/10/91	/ /	Nam	2.74	149	Khá	
Lớp: DH10BV										
1	10145022	TRẦN QUỐC	CƯỜNG	19/08/92	/ /	Nam	2.88	147	Khá	
2	10145041	ĐẶNG THỊ	HẠNH	05/06/91	/ /	Nữ	3.24	147	Giỏi	
3	10145047	PHẠM THỊ DIỄM	HIỀN	20/10/92	/ /	Nữ	2.90	147	Khá	
4	10145070	TỐNG MINH	KỲ	02/06/91	/ /	Nam	3.25	148	Giỏi	
5	10145073	VÕ THÁI LY	LAN	19/05/92	/ /	Nữ	2.80	147	Khá	
6	10145166	NGUYỄN NHỰT	TRƯỜNG	10/11/92	/ /	Nam	2.83	148	Khá	
Lớp: DH10NH										
1	10116009	NGUYỄN THỊ	BÌNH	02/03/92	/ /	Nữ	3.11	146	Khá	
2	10113011	TRẦN ĐỨC	BÌNH	15/08/92	/ /	Nam	2.96	146	Khá	
3	10113047	TRẦN TRUNG	HIẾU	01/01/92	/ /	Nam	2.87	146	Khá	
4	10113063	LÊ VĨNH	HƯNG	27/11/92	/ /	Nam	3.08	146	Khá	
5	10113081	TRẦN THỊ PHƯỢNG	LINH	10/04/92	/ /	Nữ	2.93	146	Khá	
6	10113090	TRƯƠNG KHẮC TÔ TRÀ	MY	19/02/92	/ /	Nữ	2.80	146	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
7	10113116	PHẠM NGUYỄN HIỀN	PHƯƠNG	30/10/92	/ /	Nữ	2.61	146	Khá	
8	10113138	TRẦN HỒNG	THẮM	30/09/92	/ /	Nữ	2.98	146	Khá	
9	10113158	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THÙY	30/07/92	/ /	Nữ	2.80	146	Khá	
10	10113163	NGUYỄN MINH	TIẾN	01/10/92	/ /	Nam	3.26	146	Giỏi	
Lớp: DH10NHGL										
1	10114085	NGUYỄN THỊ	HẰNG	04/01/92	/ /	Nữ	3.13	146	Khá	
2	10113241	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	17/10/90	/ /	Nam	3.17	146	Khá	
3	10114086	HỒ VĂN	SANG	20/11/92	/ /	Nam	3.37	146	Giỏi	
4	10114079	ĐỖ TRỌNG	SOÁI	05/03/90	/ /	Nam	2.78	146	Khá	
5	10113215	ĐẶNG HỒNG	THÂN	13/05/92	/ /	Nam	2.96	146	Khá	
Lớp: DH09QL17										
1	09113214	LÝ THỊ KIM	LOAN	20/08/87	/ /	Nữ	2.39	140	Trung bình	
Lớp: DH10DC										
1	10151065	NGUYỄN XUÂN	HUY	13/04/92	/ /	Nam	2.61	140	Khá	
2	10151027	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	17/08/92	/ /	Nam	2.62	144	Khá	
Lớp: DH10QL										
1	10124032	TRẦN TIẾN	DŨNG	20/01/90	ĐẮNG NAI	Nam	2.67	139	Khá	
2	10124046	TRẦN MỸ	HẠNH	12/07/92	LONG AN	Nữ	2.84	140	Khá	
3	10124051	TRẦN VŨ	HẬN	10/05/90	/ /	Nam	2.78	140	Khá	
4	10124085	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	27/02/91	/ /	Nữ	2.85	139	Khá	
5	10124091	ĐẶNG THỊ	LINH	10/08/92	LâM ĐẮNG	Nữ	2.74	139	Khá	
6	10124102	LỮ THẾ	LONG	26/08/92	/ /	Nam	2.51	139	Khá	
7	10124190	TRƯƠNG HỮU	THỌ	24/10/92	BắC NINH	Nam	2.64	140	Khá	
8	10124191	TẠ QUỐC	THÔNG	02/01/92	/ /	Nam	2.63	140	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
9	10124203	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	10/10/91	TÂY NINH	Nữ	2.83	139	Khá	
10	10124236	NGUYỄN NGỌC	TUYỀN	08/12/92	/ /	Nữ	3.05	139	Khá	
11	10124244	HUỲNH VĂN	TƯỢNG	10/11/92	/ /	Nam	2.66	140	Khá	
12	10124248	PHAN THỊ YẾN	VI	13/11/92	/ /	Nữ	2.68	139	Khá	
Lớp: DH10TB										
1	10135005	PHẠM GIA	BẢO	04/09/92	/ /	Nam	2.73	139	Khá	
2	10135024	NGUYỄN NGỌC	HẢI	07/04/92	/ /	Nam	2.76	139	Khá	
3	10135032	PHẠM THỊ HOA	HẬU	10/08/92	/ /	Nữ	2.94	139	Khá	
4	10135043	LÊ THỊ	HÒA	03/11/92	/ /	Nữ	2.67	139	Khá	
5	10135048	ĐỖ THỊ HOÀNG	KIM	18/10/92	/ /	Nữ	2.92	139	Khá	
6	10135064	NGUYỄN ĐẠI	NAM	05/09/92	ĐẢNG NAI	Nam	2.70	139	Khá	
7	10135073	LƯU KIM	NGỌC	06/11/92	/ /	Nữ	2.79	140	Khá	
8	10135075	TÔN THỊ MINH	NGUYỆT	25/08/92	LÂM ĐẢNG	Nữ	2.88	139	Khá	
9	10135077	NGUYỄN THANH HỒNG	NHUNG	07/08/92	/ /	Nữ	2.73	139	Khá	
10	10135080	NGÔ THỊ KIỀU	OANH	08/01/91	/ /	Nữ	2.81	139	Khá	
11	10135096	NGUYỄN VĂN TRUNG	THÀNH	26/02/92	/ /	Nam	2.77	139	Khá	
12	10135098	HOÀNG CHÍ	THIỆN	02/10/92	/ /	Nam	2.62	139	Khá	
13	10135106	NGUYỄN VŨ THÙY	TIÊN	25/11/92	/ /	Nữ	2.71	139	Khá	
14	10135114	LÊ THỊ KIỀU	TRANG	20/10/92	LONG AN	Nữ	3.09	139	Khá	
15	10135119	TRẦN NGUYỄN THỊ TH	TRANG	13/01/92	LONG AN	Nữ	2.68	139	Khá	
16	10135125	ĐOÀN NGUYỄN XUÂN	TRÍ	13/03/92	/ /	Nam	2.62	139	Khá	
17	10135145	HỒ ĐĂNG	XUÂN	07/11/92	ĐẢNG NAI	Nam	2.73	139	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: ĐH Liên thông

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: LT10QL17										
1	10424041	NGUYỄN HOÀNG PHƯỢN	LY	26/04/88	/ /	Nữ	3.02	65	Khá	
2	10424042	LÊ THỊ CHÚC	MAI	06/07/87	/ /	Nữ	2.74	64	Khá	
3	10424080	NGUYỄN THANH	THỨC	15/05/87	/ /	Nam	2.44	65	Trung bình	
Lớp: LT11QL										
1	11424015	NGUYỄN TẤN PHƯƠNG	DUY	06/01/88	TRà VINH	Nữ	2.75	64	Khá	
2	11424030	NGUYỄN VIẾT	HUY	10/03/89	/ /	Nữ	2.08	54	Trung bình	
3	11424033	PHAN VĂN	KHÔI	28/11/88	/ /	Nam	2.12	64	Trung bình	
4	11424056	NGUYỄN PHƯỚC	TÀI	10/01/88	/ /	Nam	2.37	64	Trung bình	
5	11424066	ĐỖ VĨNH	THUYÊN	13/01/89	/ /	Nam	2.39	64	Trung bình	
Lớp: DH09SH17										
1	09126287	HOÀNG NGỌC	MẠNH	14/04/90	/ /	Nam	2.74	140	Khá	
Lớp: DH10SH										
1	10126115	NGUYỄN THỊ HẰNG	NI	02/02/92	/ /	Nữ	3.01	140	Khá	
2	10126123	HUỲNH TẤN	PHÚC	17/10/92	/ /	Nam	2.86	140	Khá	
3	10126132	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	13/03/92	/ /	Nam	2.61	140	Khá	
4	10126233	TRIỆU QUYẾT	THẮNG	22/11/91	CAO BằNG	Nam	2.84	140	Khá	
5	10126194	HUỲNH THANH	TRÚC	04/12/92	/ /	Nữ	2.97	140	Khá	
Lớp: DH10SM										
1	10172030	ĐỖ THỊ	LIÊN	27/09/91	/ /	Nữ	2.85	140	Khá	
2	10172038	PHAN TRƯỜNG	PHI	12/11/92	/ /	Nam	2.97	140	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10SK										
1	10158072	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	25/10/92	LONG AN	Nữ	2.96	141	Khá	
2	10158047	LƯU THỊ MINH	TÂM	12/12/90	/ /	Nữ	2.90	142	Khá	
Lớp: DH10SP										
1	10132020	KIM THỊ CẨM	NGUYÊN	17/02/89	/ /	Nữ	2.85	140	Khá	
Lớp: DH09DT17										
1	09130006	NGUYỄN HOÀNG	CHƯƠNG	28/04/91	TâY NINH	Nam	2.76	142	Khá	
2	09130067	VÕ MINH	PHỤNG	01/10/91	/ /	Nam	2.39	143	Trung bình	
Lớp: DH10DT										
1	10130014	NGUYỄN ĐỨC	DUY	16/08/92	/ /	Nam	3.09	142	Khá	
2	10130037	PHẠM THỊ	LAN	04/03/92	/ /	Nữ	2.50	141	Khá	
3	10130080	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	23/01/92	ĐẢNG NAI	Nữ	2.67	141	Khá	
4	10130091	LÊ ĐĂNG	TỈNH	05/03/92	LâM ĐẢNG	Nam	2.72	141	Khá	
Lớp: DH10DD										
1	10148123	ĐINH THÙY	LINH	07/09/92	/ /	Nữ	2.84	137	Khá	
2	10148276	LÊ BẠCH NGỌC	TRÂN	12/06/91	/ /	Nữ	2.82	137	Khá	
Lớp: DH10VT										
1	10156004	NGUYỄN THẾ	BÌNH	20/08/92	/ /	Nam	2.69	142	Khá	
2	10156034	LÊ TIẾN	KHOA	26/06/92	/ /	Nam	2.76	142	Khá	
3	10156051	ĐỖ NGUYÊN	NHẤT	26/09/92	/ /	Nam	2.86	140	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: ĐH Liên thông

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: LT12BQ										
1	12425007	LÊ THỊ	LIỄU	06/03/91	ĐẮNG NAI	Nữ	3.23	63	Giỏi	
2	12425009	NGUYỄN THỊ DIỄM	MI	17/12/90	/ /	Nữ	2.92	63	Khá	
3	12425010	MAI THỊ NGỌC	MINH	16/09/89	TâY NINH	Nữ	2.44	60	Trung bình	
4	12425014	NGUYỄN AN	THÁI	05/12/90	/ /	Nam	3.06	60	Khá	
5	12425015	ĐINH PHƯƠNG	THẢO	24/12/91	/ /	Nữ	3.32	63	Giỏi	
Lớp: DH08NY17										
1	08141093	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	20/01/90	/ /	Nữ	2.87	141	Khá	
Lớp: DH09CT17										
1	09117092	LÊ THỊ NGỌC	LÊ	10/12/91	/ /	Nữ	2.69	141	Khá	
Lớp: DH10CT										
1	10117056	NGƯ TRUNG	HIẾU	14/11/92	/ /	Nam	2.60	142	Khá	
2	10117215	NGUYỄN TRUNG	TÍN	20/09/92	/ /	Nam	2.65	142	Khá	
Lớp: DH10KS										
1	10171016	PHẠM THỊ	HÒE	10/07/92	/ /	Nữ	2.80	140	Khá	
2	10171112	NGUYỄN THANH	HƯNG	14/07/92	ĐẮNG NAI	Nam	3.03	141	Khá	
3	10171044	LÊ SỸ	TÂN	08/11/92	/ /	Nam	2.56	140	Khá	
4	10171060	TRƯƠNG QUỐC	TRÍ	30/12/92	/ /	Nam	2.47	140	Trung bình	
Lớp: DH10NT										
1	10116061	LÊ ANH	KHOA	07/05/92	/ /	Nam	2.30	142	Trung bình	
2	10116094	LÊ HỒNG	PHONG	05/01/91	/ /	Nam	2.39	141	Trung bình	
3	10116096	NGUYỄN VĂN	PHÚC	13/09/92	LâM ĐẢNG	Nam	2.56	140	Khá	
4	10116107	CHÂU THANH	SỬ	01/01/91	/ /	Nam	2.81	142	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nơi sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Lớp: DH10NY										
1	10141043	HỒ HỒNG	NHUNG	01/06/92	AN GIANG	Nữ	2.91	142	Khá	
Lớp: LT12NT										
1	12416004	TRẦN CHÍ	DŨNG	28/11/90	/ /	Nam	3.14	55	Khá	
2	12416005	ĐINH THỊ	HẰNG	12/05/89	/ /	Nữ	2.99	55	Khá	

HIỆU TRƯỞNG